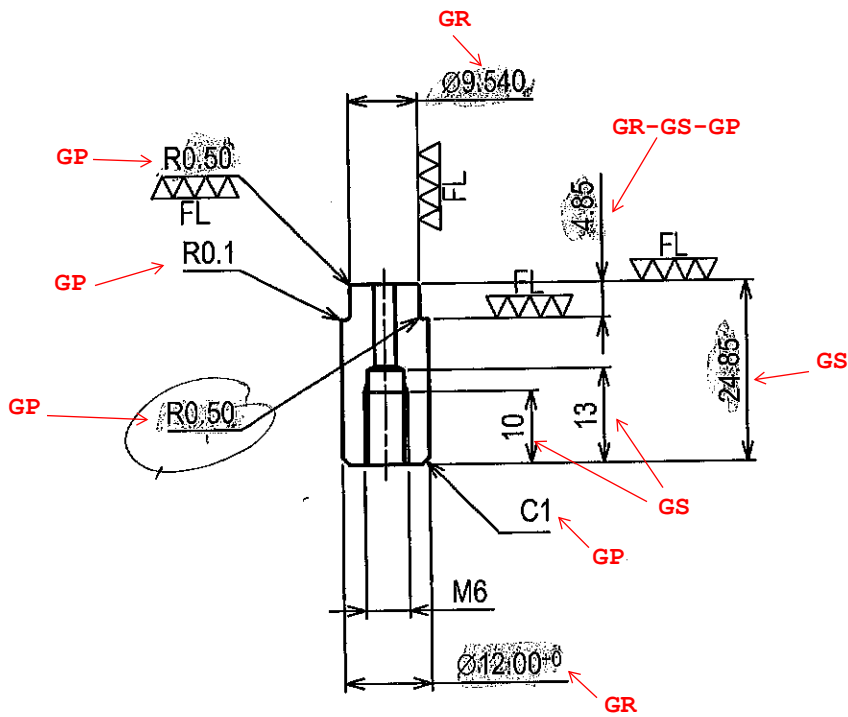
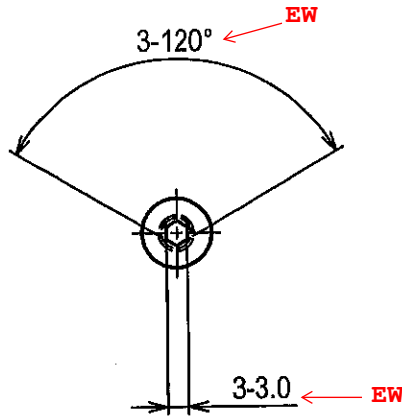


REV.	DATE	DESCRIPTION	DESIGNER	DWG. No.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2015/11/30	新規設計	K.Kamakura	T.Yajima		0.0000 ±0.002 0.000 +0 -0.005
△						0.000 ±0.005 0.000 -0 +0.005
△						0.00 ±0.01 0.00 +0 -0.01
△						±0.1 0.00 -0 +0.01
△						±0.2 0.0 +0 -0.1
						0.0 -0 +0.1

213 010 614A  
1P



10  
30  
60  
80  
200  
30  
20

DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
K.Kamakura	T.Yajima	部品図 PART DRAWING	パンチ PUNCH
QUENCH&TEMPER	SURFACE	部品図	沖頭
HRC 0 ° ~ 0 °		部品図	沖頭
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
WC(D30/HIP)	2015/11/30	1:1	R028140

SNO: <b>R028140</b>	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:	
NGƯỜI THIẾT LẬP: <b>10197</b>	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>BTP:R028140</b>  <b>2.THỜI GIAN GIA CÔNG</b> <b>GR:</b> -Ø12.000=>ok -Ø9.540=>ok <b>80 phút/pc</b> <b>GS:</b> -4.85=>4.75 -24.85=>ok <b>40 phút/pc</b> <b>GP:</b> -4.85=>ok -R0.50=>ok -R0.1=>ok -C1=>ok <b>60 phút/pc</b> <b>EW:</b> -3-3.0=>ok <b>60 phút/pc</b> <b>AF:</b> Đánh bóng=>ok <b>20 phút/pc</b>	GR:80 GS:40 GP:60 EW:60 AF:20 KT